

Lễ múa lớn tôn chức bà múa tộc họ dòng núi

Rija patruh atuw cek

ទីក្រុង ភ្នំពេញ កម្ពុជា

- Mục đích : Hành lễ múa lớn dòng núi để tôn chức bà múa tộc họ chính thức *muk rija gru* អ្នក ទីក្រុង ភ្នំពេញ theo phong tục.
- Tổ chức : Do gia đình tộc họ đóng góp tiền của và nhân lực để tổ chức thực hiện.
- Định kỳ : Không có định kỳ.
- Thời gian và vào lúc : : Trong 2 ngày và 2 đêm. Cho ngày vào 1 ngày 1 đêm ngày thứ bảy , cho ngày ra 1 ngày 1 đêm chủ nhật , hoặc 1 ngày 1 đêm thứ tư cho ngày vào và 1 ngày 1 đêm thứ năm cho ngày ra trong hạ tuần trăng hay thượng tuần trăng và phải là ngày chẵn không kỵ.
- Địa điểm : Trong nhà lễ sân nhà hay sân bãi ngoài ngõ.
- Chức sắc chủ lễ : Ông thầy võ *ong maduen* ឧទ្ទិស ,
- Chức sắc chức việc đồng hành lễ gồm : Ông thầy *acar* អាចារ្យ - Bà múa tộc họ *muk rija* được tôn chức chính thức - Bà đơm *awal muk buh awal* អ្នក ប្រឡង អាចារ្យ - Ban nhạc công *ong taong ong yuk* ឧទ្ទិស ឧទ្ទិស អ្នក ,
- Thú vật và gia cầm : Với 1 con dê *pabaiy* ក្របី ហៃ ហៃ và 12 con gà *manuk* អ្នក (tùy họ có thể nhiều hơn hoặc ít hơn) cụ thể :
 - * 1 con dê cúng tế *Po Luah* ប្រាសាទ ភ្នំពេញ và các thần *yang atau* យ៉ាង ហៃ ហៃ ,
 - * 1 con gà cúng tế *Po Kar* ប្រាសាទ ភ្នំពេញ ,
 - * 3 con gà cho các *Po Patri* ប្រាសាទ ភ្នំពេញ ,
 - * 2 con gà cho nghi lễ thết đãi *lisei payak* លីសៃ ហៃ ហៃ ,
 - * 2 con gà cho nghi lễ cúng tế ra nhà lễ *barahuak tabiak kajang* ប្រាសាទ ភ្នំពេញ ,
 - * 2 con gà cho nghi lễ bái lạy trả ơn sư tổ *talibat gru* តាលីបាត ហៃ ហៃ ,
- Các món ăn : Cơm *lisei* លីសៃ - Thịt gà *рилаow manuk* រីលាវ អ្នក ហៃ ហៃ - Canh gà *abu manuk* អាបូ អ្នក ហៃ ហៃ - Thịt dê *рилаow pabaiy* រីលាវ ក្របី ហៃ ហៃ - Nước súp dê *aia tanut pabaiy* អ្នក ហៃ ហៃ ហៃ ហៃ - Canh môn *aia habai njem labua* អ្នក ហៃ ហៃ ហៃ ហៃ - Rau ghém *giaim* គីម - Quả trứng gà *baoh manuk* ហៃ អ្នក ហៃ ហៃ - Chả hột gà *kanap baoh manuk* កាណាប់ ហៃ អ្នក ហៃ ហៃ - Mắm chấm *masin* ម៉ាសិន - Nhúm muối *sara* ហៃ ហៃ ,
- Các vật lễ khác : Thì có quả trứng gà *baoh manuk* ហៃ អ្នក ហៃ ហៃ , trầu cau *hala panâng* ហៃ ហៃ , rượu *alak* អាলাក , nước trà *aia caiy* អ្នក ហៃ ហៃ ,
- Các loại bánh trái gồm: Xôi nếp *ndiép* ណិép - Bánh bột mì luộc *baoh uk* ហៃ ហៃ - Hạt nổ *kamang* កាម៉ាং - Bánh đúc lạt *kadaor mbong* កាដាវ ម៉ông

- Bánh đúc ngọt *kadaor mbak* កាដាអ៊ុន ម៉ាក់ - Bông điệp *bingu pang* ប៊ិង បង -
Muối mè *sara lingâ* សារ៉ា លិង - Chuối *patei* ប៉ាតើ ,

- Nhạc cụ gồm : Bộ trống đôi *gineng* ឡីង - Cái trống vỗ *baranâng* ប៉ារ៉ា-nâng - Kèn *saranai* សារ៉ា-nai - Cái chiêng *céng* ចេង ,

- Ca Vũ : Các điệu múa của bà múa tộc họ *muk rija* មុក រិះ-ja - Các bài hát công ơn sự nghiệp thần yang của *ong maduen* ឲ្យ ម៉ា-đu-យ៉ា - Các bài kinh của *po acar* ប៉ា អា-ចា - Lối khăn vái của các thành phần chức sắc chức việc cũng như *muk rija* មុក រិះ-ja Với các vật dụng thiết yếu khác.

Quảng Văn Đại